

Phụ lục 1: Các ví dụ minh họa tính điểm xét tuyển**1. Phương thức xét tuyển theo kết quả thi Trung học phổ thông.**

Thí sinh A thuộc khu vực 2 nông thôn có tổng mức điểm ưu tiên là MDUT là 0,5; xét tuyển ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có các khối tổ hợp A00 (**Toán** - Lý - Hóa), A01 (**Toán** - Lý - Anh), D01 (**Toán** - Văn - Anh) và C01 (**Toán** - Văn - Lý) với điểm thi như sau:

Môn thi	Toán	Lý	Hóa	Văn	Anh
Điểm	7,5	8,4	Không thi	8,0	9,0

Thí sinh sẽ có 3 tổ hợp điểm để xét, được tính theo công thức (3):

$$\text{ĐTHPT}_{A01} = \left(\frac{7,5 \times 2 + 8,4 + 9,0}{4} \right) \times 3 = 24,3$$

$$\text{ĐTHPT}_{D01} = \left(\frac{7,5 \times 2 + 8,0 + 9,0}{4} \right) \times 3 = 24,0$$

$$\text{ĐTHPT}_{C01} = \left(\frac{7,5 \times 2 + 8,0 + 8,4}{4} \right) \times 3 = 23,55$$

Điểm ĐTHPT_{max} được tính theo công thức (4):

$$\text{ĐTHPT}_{\max} = \max(\text{ĐTHPT}_X) = 24,3$$

Vì thí sinh có ĐTHPT_{max} = 24,3 > 22,5, nên áp dụng công thức tính điểm ưu tiên (2)

$$\text{ĐUT} = \left(\frac{30 - \text{ĐTHPT}_{\max}}{7,5} \right) \times \text{MDUT} = \left(\frac{30 - 24,3}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,38$$

$$\text{ĐXTTHPT} = \text{ĐTHPT}_{\max} + \text{ĐUT} = 24,3 + 0,38 = \mathbf{24,68}$$

Đây là điểm cuối để đưa vào xét tuyển của thí sinh A vào ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa theo điểm thi THPT.

2. Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ).

Thí sinh B là học sinh trường chuyên, đạt giải nhì môn toán cấp tỉnh, thuộc khu vực 2 nông thôn có tổng mức ưu tiên MDUT là 0,5; xét tuyển ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa chương trình tiếng Việt có các khối tổ hợp A00 (**Toán** - Lý - Hóa), A01 (**Toán** - Lý - Anh), D01 (**Toán** - Văn - Anh) và C01 (**Toán** - Văn - Lý). Thí sinh B có điểm học bạ như bảng sau:

Môn học	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Toán	7,8	8,2	8,5
Vật lý	7,5	7,8	8,0
Hóa học	7,6	7,9	8,3
Ngữ văn	7,2	7,4	7,8
Tiếng Anh	7,9	8	8,4

ĐXTHB của thí sinh theo phương thức xét học bạ được tính như sau:

- Tính điểm trung bình môn (ĐTBM_i)

Áp dụng công thức (5), kết quả cụ thể cho từng môn như sau:

ĐTBM	Toán	Lý	Hóa	Văn	Anh
Kết quả	$\frac{7,8 + 8,2 + 8,5}{3} = 8,17$	7,77	7,93	7,47	8,1

- Tính điểm học bạ theo các tổ hợp xét tuyển x (ĐHB_x)

Áp dụng công thức (6) và (7), kết quả cụ thể cho từng tổ hợp môn như sau:

ĐHB _{A00}	ĐHB _{A01}	ĐHB _{D01}	ĐHB _{C01}
$\frac{8,17 \times 2 + 7,77 + 7,93}{4} \times 3 = 24,03$	24,16	23,93	23,69

- Tra bảng 2 thì tổng điểm cộng của thí sinh B là ĐCT = 1 + 0,6 = 1,6

- Tính điểm ĐHB_{max}

$$\text{ĐHB}_{\max} = \max(\text{ĐHB}_x) + \text{ĐCT} = 24,16 + 1,6 = 25,76$$

- tính điểm ưu tiên ĐUT. Do ĐHB_{max} = 25,76 ≥ 22,5 nên ĐUT được tính

$$\text{ĐUT} = \left(\frac{30 - \text{ĐTHPT}_{\max}}{7,5} \right) \times \text{MDUT} = \left(\frac{30 - 25,76}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,29$$

- Tính điểm xét tuyển theo học bạ ĐXTHB theo công thức (8)

$$\text{ĐXTHB} = \text{ĐHB}_{\max} + \text{ĐUT} = 25,76 + 0,29 = \mathbf{26,05}$$

Đây là điểm cuối để xét tuyển cho thí sinh theo phương thức sử dụng điểm học bạ vào ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa chương trình tiếng Việt.

3. Phương thức xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

a) Tính DXTNL (trừ các ngành: Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc nội thất):

Thí sinh B tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP. HCM với số điểm: 950/1200.

- Quy đổi ĐNL về thang 30 theo công thức (9):

$$\text{ĐNLQĐ} = \frac{\text{ĐNL}}{40} = 23,75$$

- Thí sinh B có mức điểm ưu tiên MDUT là 1 và do ĐNLQĐ = 23,75 ≥ 22,5 nên:

$$\text{ĐUT} = \left(\frac{30 - \text{ĐNLQĐ}}{7,5} \right) \times \text{MĐUT} = \left(\frac{30 - 23,75}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,42$$

- Tính điểm xét tuyển theo điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM (ĐXTNL)

$$\text{ĐXTNL} = \text{ĐNLQĐ} + \text{ĐUT} = 23,75 + 0,42 = \mathbf{24,17}$$

Đây là điểm cuối để xét tuyển cho thí sinh theo phương thức sử dụng điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM vào ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa chương trình tiếng Việt.

b) Tính điểm ĐNLQĐ_NK đối với các ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc nội thất:

Thí sinh B đăng ký ngành Kiến trúc với:

- Điểm ĐGNL ĐH Quốc gia TP. HCM thực tế: 950/1200

- Điểm Vẽ đầu tượng: 7,5/10.

- Quy đổi ĐNL về thang 30 theo công thức (9):

$$\text{ĐNLQĐ} = \frac{\text{ĐNL}}{40} = \frac{950}{40} = 23,75$$

- Tính điểm ĐGNL quy đổi áp dụng cho môn năng khiếu (ĐNLQĐ_NK)

$$\begin{aligned} \text{ĐNLQĐ_NK} &= \left(\text{ĐNLQĐ} \times \frac{2}{3} + (\text{Điểm vẽ} \times 2) \right) \times \frac{3}{4} = \left(23,75 \times \frac{2}{3} + (7,5 \times 2) \right) \times \frac{3}{4} \\ &= 23,13 \end{aligned}$$

- Thí sinh B có mức điểm ưu tiên MĐUT là 0,5 và do ĐNLQĐ_NK = 23,13 ≥ 22,5 nên

$$\text{ĐUT} = \left(\frac{30 - \text{ĐNLQĐ_NK}}{7,5} \right) \times \text{MĐUT} = \left(\frac{30 - 23,13}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,46$$

- Tính điểm xét tuyển theo điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM với ngành kiến trúc (ĐXTNL_NK)

$$\text{ĐXTNL_NK} = \text{ĐNLQĐ_NK} + \text{ĐUT} = 23,13 + 0,46 = \mathbf{23,59}$$

Đây là điểm cuối để xét tuyển cho thí sinh theo phương thức sử dụng điểm đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM vào ngành kiến trúc chương trình tiếng Việt.

✓

Phụ lục 2: Danh sách trường chuyên, năng khiếu

STT	Tên Tỉnh/TP	Tên Trường
Các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học		
1	Hà Nội	THPT chuyên Đại học Sư phạm
2	Hà Nội	THPT chuyên Khoa học Tự nhiên
3	Hà Nội	THPT chuyên Khoa học Xã hội và Nhân văn
4	Hà Nội	THPT chuyên Ngoại ngữ
5	TP. Hồ Chí Minh	Phổ Thông Năng Khiếu DHIQG TP. HCM
6	TP. Hồ Chí Minh	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm
7	Nghệ An	THPT chuyên - Đại học Vinh
8	Thành phố Huế	THPT chuyên Khoa học Huế
9	Long An	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo
Các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố		
10	Hà Nội	THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam
11	Hà Nội	THPT chuyên Nguyễn Huệ
12	Hà Nội	THPT chuyên Sơn Tây
13	TP. Hồ Chí Minh	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	TP. Hồ Chí Minh	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	Hải Phòng	THPT chuyên Trần Phú
16	Đà Nẵng	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	Hà Giang	THPT chuyên tỉnh Hà Giang
18	Cao Bằng	THPT chuyên Cao Bằng
19	Lai Châu	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	Lào Cai	THPT chuyên tỉnh Lào Cai
21	Tuyên Quang	THPT chuyên Tuyên Quang
22	Lạng Sơn	THPT chuyên Chu Văn An
23	Bắc Kạn	THPT chuyên Bắc Kạn
24	Thái Nguyên	THPT chuyên tỉnh Thái Nguyên
25	Yên Bái	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
26	Sơn La	THPT chuyên Sơn La
27	Phú Thọ	THPT chuyên Hùng Vương
28	Vĩnh Phúc	THPT chuyên Vĩnh Phúc
29	Quảng Ninh	THPT chuyên Hạ Long
30	Bắc Giang	THPT chuyên Bắc Giang
31	Bắc Ninh	THPT chuyên Bắc Ninh
32	Hải Dương	THPT chuyên Nguyễn Trãi
33	Hưng Yên	THPT chuyên Hưng Yên
34	Hòa Bình	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
35	Hà Nam	THPT chuyên Biên Hòa



STT	Tên Tỉnh/TP	Tên Trường
36	Nam Định	THPT chuyên Lê Hồng Phong
37	Thái Bình	THPT chuyên Thái Bình
38	Ninh Bình	THPT chuyên Lương Văn Tụy
39	Thanh Hóa	THPT chuyên Lam Sơn
40	Nghệ An	THPT chuyên Phan Bội Châu
41	Hà Tĩnh	THPT chuyên Hà Tĩnh
42	Quảng Bình	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
43	Quảng Trị	THPT chuyên Lê Quý Đôn
44	Thành phố Huế	THPT chuyên Quốc Học - Huế
45	Quảng Nam	THPT chuyên Lê Thánh Tông
46	Quảng Nam	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
47	Quảng Ngãi	THPT chuyên Lê Khiết
48	Kon Tum	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
49	Bình Định	THPT chuyên Lê Quý Đôn
50	Bình Định	THPT Chuyên Chu Văn An
51	Gia Lai	THPT chuyên Hùng Vương
52	Phú Yên	THPT chuyên Lương Văn Chánh
53	Đắk Lắk	THPT chuyên Nguyễn Du
54	Khánh Hòa	THPT chuyên Lê Quý Đôn
55	Lâm Đồng	THPT chuyên Thăng Long - Đà Lạt
56	Lâm Đồng	THPT chuyên Bảo Lộc
57	Bình Phước	THPT chuyên Quang Trung
58	Bình Phước	THPT chuyên Bình Long
59	Bình Dương	THPT chuyên Hùng Vương
60	Ninh Thuận	THPT chuyên Lê Quý Đôn
61	Tây Ninh	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
62	Bình Thuận	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
63	Đồng Nai	THPT chuyên Lương Thế Vinh
64	Long An	THPT chuyên Trần Văn Giàu
65	Đồng Tháp	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
66	Đồng Tháp	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
67	An Giang	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
68	An Giang	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
69	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT chuyên Lê Quý Đôn
70	Tiền Giang	THPT chuyên Tiền Giang
71	Kiên Giang	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
72	Cần Thơ	THPT chuyên Lý Tự Trọng
73	Bến Tre	THPT chuyên Bến Tre

✓

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

STT	Tên Tỉnh/TP	Tên Trường
74	Vĩnh Long	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
75	Trà Vinh	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
76	Sóc Trăng	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
77	Bạc Liêu	THPT chuyên Bạc Liêu
78	Cà Mau	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
79	Điện Biên	THPT chuyên Lê Quý Đôn
80	Đắk Nông	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
81	Hậu Giang	THPT chuyên Vị Thanh

Danh sách này có 81 trường.

W

Phụ lục 3: Danh sách trường ưu tiên

STT	Tên Tỉnh/TP	Tên Trường
1	An Giang	THPT Long Xuyên
2	An Giang	THPT Chu Văn An
3	An Giang	THPT An Phú
4	An Giang	THPT Tân Châu
5	An Giang	THPT Bình Mỹ
6	An Giang	THPT Nguyễn Bình Khiêm
7	An Giang	THPT Thạnh Mỹ Tây
8	An Giang	THPT Nguyễn Hữu Cảnh
9	An Giang	THPT Nguyễn Hiền
10	An Giang	PT Thực hành Sư phạm
11	An Giang	THPT Võ Thị Sáu
12	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Bà Rịa
13	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Nguyễn Khuyến
14	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Vũng Tàu
15	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Châu Thành
16	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Nguyễn Huệ
17	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Đinh Tiên Hoàng
18	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Trần Nguyên Hãn
19	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Minh Đạm
20	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Phú Mỹ
21	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Xuyên Mộc
22	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Nguyễn Du
23	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Hòa Bình
24	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Võ Thị Sáu
25	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Trần Văn Quan
26	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Ngô Quyền
27	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Trần Phú
28	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Nguyễn Trãi
29	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Long Hải - Phước Tỉnh
30	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Dương Bạch Mai
31	Bà Rịa-Vũng Tàu	THPT Võ Thị Sáu - Côn Đảo
32	Bạc Liêu	THPT Giá Rai
33	Bạc Liêu	THPT Bạc Liêu
34	Bắc Ninh	THPT Hoàng Quốc Việt
35	Bắc Ninh	THPT Lương Tài
36	Bắc Ninh	THPT Hàn Thuyên
37	Bến Tre	THPT Phan Thanh Giản

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

38	Bến Tre	THPT Nguyễn Đình Chiểu
39	Bến Tre	THPT Phan Văn Trị
40	Bến Tre	THPT Trần Văn Ôn
41	Bến Tre	THPT Phan Liêm
42	Bến Tre	THPT Diệp Minh Châu
43	Bến Tre	THPT Lạc Long Quân
44	Bến Tre	THPT Võ Trường Toản
45	Bến Tre	THPT Nguyễn Ngọc Thăng
46	Bến Tre	THPT Trương Vĩnh Ký
47	Bến Tre	THPT Lê Quý Đôn
48	Bình Định	THPT số 3 Tuy Phước
49	Bình Định	THPT Nguyễn Hồng Đạo
50	Bình Định	THPT Lý Tự Trọng
51	Bình Định	THPT Ngô Lê Tân
52	Bình Định	THPT số 2 Phù Cát
53	Bình Định	THPT Nguyễn Du
54	Bình Định	THPT An Lương
55	Bình Định	THPT Mỹ Thọ
56	Bình Định	THPT Võ Lai
57	Bình Định	Quốc học Quy Nhơn
58	Bình Định	THPT số 1 An Nhơn
59	Bình Định	THPT số 1 Phù Cát
60	Bình Định	THPT số 1 Phù Mỹ
61	Bình Định	THPT Tây Sơn
62	Bình Định	THPT Nguyễn Trần
63	Bình Định	THPT số 2 Phù Mỹ
64	Bình Định	THPT Hùng Vương
65	Bình Định	THPT Trưng Vương
66	Bình Định	THPT Số 2 Tuy phước
67	Bình Định	THPT Số 1 Tuy phước
68	Bình Định	THPT Số 2 An Nhơn
69	Bình Dương	THPT Bến Cát
70	Bình Dương	THPT Tân Phước Khánh
71	Bình Dương	THPT Dĩ An
72	Bình Dương	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
73	Bình Dương	THPT Bình An
74	Bình Dương	THPT Trịnh Hoài Đức
75	Bình Dương	THPT Nguyễn Trãi
76	Bình Dương	THPT Võ Minh Đức

77	Bình Dương	THCS-THPT Nguyễn Khuyến
78	Bình Dương	THPT Nguyễn An Ninh
79	Bình Dương	THPT Lý Thái Tổ
80	Bình Dương	THPT An Mỹ
81	Bình Dương	THPT Trần Văn Ôn
82	Bình Dương	THPT Thái Hoà
83	Bình Dương	THPT Nguyễn Đình Chiểu
84	Bình Phước	THPT Hùng Vương
85	Bình Phước	THPT Phước Bình
86	Bình Phước	THPT Thị xã Bình Long
87	Bình Phước	THPT Bù Đăng
88	Bình Phước	THPT Đồng Xoài
89	Bình Phước	THPT Nguyễn Du
90	Bình Phước	THPT Chơn Thành
91	Bình Phước	THPT Nguyễn Khuyến
92	Bình Phước	THPT Thị xã Phước Long
93	Bình Phước	THPT Lê Quý Đôn
94	Bình Thuận	THPT Phan Bội Châu
95	Bình Thuận	THPT Tánh Linh
96	Bình Thuận	THPT Lý Thường Kiệt
97	Bình Thuận	THPT Tuy Phong
98	Bình Thuận	THPT Hùng Vương
99	Bình Thuận	THPT Ngô Quyền
100	Bình Thuận	THPT Phan Chu Trinh
101	Bình Thuận	THPT Hòa Đa
102	Bình Thuận	THPT Hàm Thuận Bắc
103	Cà Mau	THPT Nguyễn Việt Khái
104	Cà Mau	THPT Hồ Thị Kỷ
105	Đà Nẵng	THPT Phan Châu Trinh
106	Đà Nẵng	THPT Hoàng Hoa Thám
107	Đà Nẵng	THPT Quang Trung
108	Đắk Lắk	THPT Thực hành Cao Nguyên
109	Đắk Lắk	THPT Lê Quý Đôn
110	Đắk Lắk	THPT Hồng Đức
111	Đắk Lắk	THPT DTNT N'Trang Long
112	Đắk Lắk	THPT Buôn Ma Thuột
113	Đắk Lắk	THPT Chu Văn An
114	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Bình Khiêm
115	Đắk Lắk	THPT Cao Bá Quát

14

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

116	Đắk Nông	THPT Chu Văn An
117	Đắk Nông	THPT Trần Hưng Đạo
118	Đắk Nông	THPT Đắk Mil
119	Đồng Nai	THPT Chu Văn An
120	Đồng Nai	THPT Thống Nhất
121	Đồng Nai	THPT Ngô Sĩ Liên
122	Đồng Nai	THPT Tân Phú
123	Đồng Nai	THPT Trần Biên
124	Đồng Nai	THPT Lê Hồng Phong
125	Đồng Nai	THPT Ngô Quyền
126	Đồng Nai	THPT Nguyễn Trãi
127	Đồng Nai	THPT Tam Hiệp
128	Đồng Nai	THPT Nguyễn Hữu Cánh
129	Đồng Nai	THPT Nam Hà
130	Đồng Nai	THPT Long Thành
131	Đồng Nai	THPT Long Khánh
132	Đồng Nai	THPT Tam Phước
133	Đồng Nai	THPT Thống Nhất A
134	Đồng Nai	THPT Trị An
135	Đồng Nai	THPT Đoàn Kết
136	Đồng Nai	THPT Phước Thiện
137	Đồng Nai	THPT Xuân Lộc
138	Đồng Nai	Phổ thông Thực hành Sư phạm
139	Đồng Nai	THPT Bùi Thị Xuân
140	Đồng Nai	TH-THCS-THPT Trần Đại Nghĩa
141	Đồng Nai	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng
142	Đồng Nai	THPT Lê Quý Đôn
143	Đồng Nai	THPT Nhơn Trạch
144	Đồng Nai	THPT Lê Quý Đôn-Long Bình Tân
145	Đồng Nai	THPT Vĩnh Cửu
146	Đồng Nai	THPT Sông Ray
147	Đồng Nai	THPT Dầu Giây
148	Đồng Nai	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Quyết Thắng
149	Đồng Nai	THPT Nguyễn Khuyến
150	Đồng Nai	THPT Võ Trường Toản
151	Đồng Nai	THPT Bình Sơn
152	Đồng Nai	THPT Xuân Hưng
153	Đồng Tháp	THPT Lai Vung 1
154	Đồng Tháp	THPT Lấp Vò 1

155	Đồng Tháp	THPT Thành Phố Cao Lãnh
156	Đồng Tháp	THPT Thành phố Sa Đéc
157	Đồng Tháp	THPT Lấp Vò 2
158	Đồng Tháp	THPT Thanh Bình 1
159	Đồng Tháp	THPT Châu Thành 2
160	Đồng Tháp	THPT Tháp Mười
161	Đồng Tháp	THPT Đỗ Công Tường
162	Gia Lai	THPT Phan Bội Châu
163	Gia Lai	THPT Pleiku
164	Gia Lai	THPT Chi Lăng
165	Gia Lai	THPT Quang Trung
166	Gia Lai	THPT Lê Lợi
167	Gia Lai	THPT Huỳnh Thúc Kháng
168	Hà Nam	THPT B Kim Bảng
169	Hà Nam	THPT Nam Lý
170	Hà Nội	THPT Kim Liên
171	Hà Nội	THCS và THPT Nguyễn Tất Thành
172	Hà Nội	THCS&THPT Lương Thế Vinh
173	Hà Tĩnh	THPT Nghi Xuân
174	Hà Tĩnh	THPT Phan Đình Phùng
175	Hà Tĩnh	THPT Kỳ Anh
176	Hải Phòng	THPT Thái Phiên
177	Hải Phòng	THPT Ngô Quyền
178	Hải Phòng	THPT Trần Nguyên Hân
179	Khánh Hòa	THPT Trần Bình Trọng
180	Khánh Hòa	THPT Lý Tự Trọng
181	Khánh Hòa	THPT Nguyễn Trãi
182	Khánh Hòa	THPT Phan Bội Châu
183	Khánh Hòa	THPT Nguyễn Văn Trỗi
184	Khánh Hòa	THPT Ngô Gia Tự
185	Kiên Giang	THPT Nguyễn Hùng Sơn
186	Kiên Giang	THPT Nguyễn Trung Trực
187	Kiên Giang	THPT Hòn Đất
188	Kon Tum	THPT Kon Tum
189	Lâm Đồng	THPT Trần Phú
190	Lâm Đồng	THPT Bảo Lộc
191	Lâm Đồng	THPT Đơn Dương
192	Lâm Đồng	THPT Đức Trọng
193	Lâm Đồng	THPT Bùi Thị Xuân

VS

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

194	Lâm Đồng	THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc
195	Lâm Đồng	THPT Lê Lợi - Đơn Dương
196	Lâm Đồng	THPT Lâm Hà
197	Lâm Đồng	THPT Bảo Lâm
198	Lâm Đồng	THPT Di Linh
199	Long An	THPT Cần Đước
200	Long An	THPT Nguyễn Hữu Thọ
201	Long An	THPT Tân An
202	Long An	THPT Lê Quý Đôn
203	Long An	THPT Hậu Nghĩa
204	Long An	THPT Đức Hòa
205	Long An	THPT Rạch Kiến
206	Long An	THPT Gò Đen
207	Long An	THPT Cần Giuộc
208	Long An	THPT Đông Thạnh
209	Long An	THPT Nguyễn Đình Chiểu
210	Long An	THPT Nguyễn Thông
211	Nam Định	THPT Giao Thủy
212	Nam Định	THPT Trần Hưng Đạo
213	Nam Định	THPT Hoàng Văn Thụ
214	Nghệ An	THPT Huỳnh Thúc Kháng
215	Nghệ An	THPT Nguyễn Xuân Ôn
216	Nghệ An	THPT Phan Đăng Lưu
217	Ninh Bình	THPT Yên Mô B
218	Ninh Bình	THPT Yên Khánh A
219	Ninh Bình	THPT Nguyễn Huệ
220	Ninh Thuận	THPT Nguyễn Trãi
221	Ninh Thuận	THPT Phan Chu Trinh
222	Ninh Thuận	THPT Tháp Chàm
223	Ninh Thuận	THPT An Phước
224	Phú Thọ	THPT Thanh Thủy
225	Phú Thọ	THPT Vĩnh Chân
226	Phú Yên	THPT Ngô Gia Tự
227	Phú Yên	THPT Nguyễn Trãi
228	Phú Yên	THPT Nguyễn Văn Linh
229	Phú Yên	THPT Phan Đình Phùng
230	Phú Yên	THPT Nguyễn Huệ
231	Phú Yên	THPT Lê Hồng Phong
232	Phú Yên	THPT Trần Quốc Tuấn

233	Phú Yên	THPT Lê Trung Kiên
234	Phú Yên	THPT Lê Thành Phương
235	Phú Yên	THPT Lê Lợi
236	Quảng Bình	THPT Lê Thuỷ
237	Quảng Nam	THPT Trần Hưng Đạo
238	Quảng Nam	THPT Lê Quý Đôn
239	Quảng Ngãi	THPT Võ Nguyên Giáp
240	Quảng Ngãi	THPT Trần Quốc Tuấn
241	Quảng Ngãi	THPT Số 1 Tư Nghĩa
242	Quảng Ngãi	THPT Bình Sơn
243	Quảng Ngãi	THPT Số 1 Nghĩa Hành
244	Quảng Ngãi	THPT Số 2 Mộ Đức
245	Quảng Ngãi	THPT Trần Quang Diệu
246	Quảng Ngãi	THPT số 1 Đức Phổ
247	Quảng Ngãi	THPT Trần Kỳ Phong
248	Quảng Ngãi	THPT Huỳnh Thúc Kháng
249	Quảng Ngãi	THPT Lê Trung Đình
250	Quảng Ngãi	THPT Sơn Mỹ
251	Quảng Ngãi	THPT Ba Gia
252	Quảng Ngãi	THPT Phạm Văn Đồng
253	Quảng Ngãi	THCS và THPT Vạn Tường (THPT Vạn Tường)
254	Quảng Ngãi	THPT Số 2 Tư Nghĩa
255	Quảng Ninh	THPT Ngô Quyền
256	Quảng Ninh	THPT Hòn Gai
257	Quảng Trị	THPT Thị xã Quảng Trị
258	Sóc Trăng	THPT Hoàng Diệu
259	Sóc Trăng	THPT Thành phố Sóc Trăng
260	Tây Ninh	THPT Lý Thường Kiệt
261	Tây Ninh	THPT Tây Ninh
262	Tây Ninh	THPT Nguyễn Trãi
263	Tây Ninh	THPT Trần Đại Nghĩa
264	Tây Ninh	THPT Tân Châu
265	Tây Ninh	THPT Nguyễn Chí Thanh
266	Thành phố Huế	THPT Hai Bà Trưng
267	Thành phố Huế	THPT Nguyễn Huệ
268	Tiền Giang	THPT Nguyễn Đình Chiểu
269	Tiền Giang	THPT Chợ Gạo
270	Tiền Giang	THPT Trương Định
271	Tiền Giang	THPT Đốc Bình Kiều

VE

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

272	Tiền Giang	THPT Vĩnh Kim
273	Tiền Giang	THPT Gò Công Đông
274	Tiền Giang	THPT Vĩnh Bình
275	Tiền Giang	THPT Tân Hiệp
276	Tiền Giang	THPT Nguyễn Văn Côn
277	Tiền Giang	THPT Thủ Khoa Huân
278	Tiền Giang	THPT Lưu Tấn Phát
279	Tiền Giang	THPT Cái Bè
280	Tiền Giang	THPT Trần Hưng Đạo
281	Tiền Giang	THPT Nguyễn Văn Tiếp
282	Tiền Giang	THPT Phạm Thành Trung
283	Tiền Giang	THPT Lê Văn Phẩm
284	Tiền Giang	THPT Bình Phục Nhứt
285	Tiền Giang	THPT Thiên Hộ Dương
286	Tp. Hồ Chí Minh	THCS và THPT Nguyễn Khuyến
287	Tp. Hồ Chí Minh	THPT An Dương Vương
288	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Bà Điểm
289	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Bình Hưng Hòa
290	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Bình Khánh
291	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Bình Phú
292	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Bùi Thị Xuân
293	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Đào Sơn Tây
294	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Dương Văn Thị
295	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Hiệp Bình
296	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Hồ Thị Bi
297	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Hoàng Hoa Thám
298	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Hùng Vương
299	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Lê Quý Đôn
300	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Lê Trọng Tấn
301	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Linh Trung
302	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Long Trường
303	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Lương Thế Vinh
304	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Lý Thường Kiệt
305	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Mạc Đĩnh Chi
306	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Marie Curie
307	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nam Sài Gòn
308	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Ngô Quyền
309	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Chí Thanh
310	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Công Trứ

311	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Du
312	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Hiền
313	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Huệ
314	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Hữu Cầu
315	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Hữu Huân
316	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Khuyến
317	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
318	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Trung Trực
319	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Phạm Văn Sáng
320	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Phú Nhuận
321	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Phước Long
322	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Quang Trung
323	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Tam Phú
324	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Tân Bình
325	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Tây Thạnh
326	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Tenloman
327	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Thành Nhân
328	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Thủ Đức
329	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Trần Hưng Đạo
330	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Trần Khai Nguyên
331	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Trần Phú
332	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Trưng Vương
333	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Trường Chinh
334	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Võ Thị Sáu
335	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Võ Trường Toản
336	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Đại học Sài Gòn
337	Tp. Hồ Chí Minh	TH-THCS-THPT Lê Thánh Tông
338	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Nguyễn Thượng Hiền
339	Tp. Hồ Chí Minh	THPT Gia Định
340	Trà Vinh	Thực Hành Sư Phạm
341	Trà Vinh	THPT Nguyễn Đáng
342	Vĩnh Long	THPT Trần Đại Nghĩa
343	Vĩnh Long	THPT Bình Minh
344	Vĩnh Long	THPT Lưu Văn Liệt
345	Vĩnh Phúc	THPT Yên Lạc
346	Vĩnh Phúc	THPT Lê Xoay

Danh sách này có 346 trường.

10/8

Phục lục 4: Danh sách trường ưu tiên xét tại phân hiệu Bình Phước

STT	Tên Tỉnh/TP	Tên Trường
I. Tất cả các trường THPT tại Bình Phước		
II. Các trường khác theo danh sách: (Danh sách này có 213 trường)		
1	Tây Ninh	THPT Trần Đại Nghĩa
2	Tây Ninh	THPT Lê Quý Đôn
3	Tây Ninh	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
4	Tây Ninh	THPT Nguyễn Bình Khiêm
5	Tây Ninh	THPT Tây Ninh
6	Tây Ninh	Phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh
7	Tây Ninh	THPT Trần Phú
8	Tây Ninh	THPT Nguyễn An Ninh
9	Tây Ninh	THPT Lương Thế Vinh
10	Tây Ninh	THPT Tân Châu
11	Tây Ninh	THPT Lê Duẩn
12	Tây Ninh	THPT Tân Hưng
13	Tây Ninh	THPT Tân Đông
14	Tây Ninh	THPT Dương Minh Châu
15	Tây Ninh	THPT Nguyễn Đình Chiểu
16	Tây Ninh	THPT Nguyễn Thái Bình
17	Tây Ninh	THPT Hoàng Văn Thụ
18	Tây Ninh	THPT Châu Thành
19	Tây Ninh	THPT Lê Hồng Phong
20	Tây Ninh	THPT Lý Thường Kiệt
21	Tây Ninh	THPT Nguyễn Chí Thanh
22	Tây Ninh	THPT Nguyễn Trung Trực
23	Tây Ninh	THPT Nguyễn Huệ
24	Tây Ninh	THPT Huỳnh Thúc Kháng
25	Tây Ninh	THPT Quang Trung
26	Tây Ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi
27	Tây Ninh	THPT Trần Quốc Đại
28	Tây Ninh	THPT Ngô Gia Tự
29	Tây Ninh	THPT Nguyễn Trãi
30	Tây Ninh	THPT Trảng Bàng
31	Tây Ninh	THPT Lộc Hưng
32	Tây Ninh	THPT Bình Thạnh
33	Bình Dương	THPT Bến Cát
34	Bình Dương	THPT Tây Nam
35	Bình Dương	THPT Bán công Lê Quý Đôn

36	Bình Dương	THPT Phước Vĩnh
37	Bình Dương	THPT Nguyễn Huệ
38	Bình Dương	THPT Tây Sơn
39	Bình Dương	THPT Phước Hòa
40	Bình Dương	THPT Dầu Tiếng
41	Bình Dương	THPT Thanh Tuyền
42	Bình Dương	THPT Phan Bội Châu
43	Bình Dương	THPT Long Hòa
44	Bình Dương	THPT Bán công Định Thành
45	Bình Dương	THPT Tân Bình
46	Bình Dương	THPT Thường Tân
47	Bình Dương	THPT Lê Lợi
48	Bình Dương	THPT Bàu Bàng
49	Bình Dương	THPT Lai Uyên
50	Đắk Nông	THPT Chu Văn An
51	Đắk Nông	Trung học phổ thông DTNT N'Trang Long tỉnh Đắk Nông
52	Đắk Nông	THPT Gia Nghĩa
53	Đắk Nông	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
54	Đắk Nông	THPT Phạm Văn Đồng
55	Đắk Nông	THPT Nguyễn Tất Thành
56	Đắk Nông	THPT Trường Chinh
57	Đắk Nông	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk R'Lấp
58	Đắk Nông	THPT Nguyễn Đình Chiểu
59	Đắk Nông	THPT Đắk Mil
60	Đắk Nông	THPT Trần Hưng Đạo
61	Đắk Nông	THPT Quang Trung
62	Đắk Nông	THPT Nguyễn Du
63	Đắk Nông	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Mil
64	Đắk Nông	THPT Phan Chu Trinh
65	Đắk Nông	THPT Phan Bội Châu
66	Đắk Nông	THPT Nguyễn Bình Khiêm
67	Đắk Nông	THPT Đào Duy Từ
68	Đắk Nông	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Cư Jút
69	Đắk Nông	THPT Đắk Song
70	Đắk Nông	THPT Phan Đình Phùng
71	Đắk Nông	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Song
72	Đắk Nông	THPT Lương Thế Vinh
73	Đắk Nông	THPT Krông Nô
74	Đắk Nông	THPT Hùng Vương

✓

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

75	Đắk Nông	THPT Trần Phú
76	Đắk Nông	THPT Đắk Glong
77	Đắk Nông	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Glong
78	Đắk Nông	THPT Lê Duẩn
79	Đắk Nông	THPT Lê Quý Đôn
80	Lâm Đồng	THPT Đa Huoai
81	Lâm Đồng	THPT Đạm Rì
82	Lâm Đồng	THPT Đa Tẻ
83	Lâm Đồng	THPT Lê Quý Đôn - Đa Tẻ
84	Lâm Đồng	THPT TT Nguyễn Khuyến - Đa Tẻ
85	Lâm Đồng	THPT Cát Tiên
86	Lâm Đồng	THPT Gia Viễn
87	Lâm Đồng	THPT Quang Trung - Cát Tiên
88	Lâm Đồng	THPT Bảo Lộc
89	Lâm Đồng	THPT Lộc Thanh
90	Lâm Đồng	THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc
91	Lâm Đồng	THPT Lê Thị Pha - Bảo Lộc
92	Lâm Đồng	THPT Nguyễn Tri Phương - Bảo Lộc
93	Lâm Đồng	THPT Bá Thiên
94	Lâm Đồng	THPT Lộc Phát - Bảo Lộc
95	Lâm Đồng	THPT TT Duy Tân - Bảo Lộc
96	Lâm Đồng	THPT Chuyên Bảo Lộc
97	Lâm Đồng	THPT Bảo Lâm
98	Lâm Đồng	THPT Lộc Thành
99	Lâm Đồng	THPT Lộc An - Bảo Lâm
100	Lâm Đồng	THCS&THPT Lộc Bắc
101	Đồng Nai	THPT Vĩnh Cửu
102	Đồng Nai	THPT Trị An
103	Đồng Nai	THCS-THPT Huỳnh Văn nghệ
104	Đồng Nai	TH-THCS-THPT Hùng Vương
105	Đồng Nai	THPT Đoàn Kết
106	Đồng Nai	THPT Thanh Bình
107	Đồng Nai	THCS-THPT Ngọc Lâm
108	Đồng Nai	THPT Đắc Lua
109	Đồng Nai	THPT Tôn Đức Thắng
110	Đồng Nai	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Tân Phú
111	Đồng Nai	THPT Tân Phú
112	Đồng Nai	THPT Điều Cải
113	Đồng Nai	THPT Định Quán

114	Đồng Nai	THPT Phú Ngọc
115	Đồng Nai	THCS-THPT Lạc Long Quân
116	Đồng Nai	THCS-THPT Tây Sơn
117	Gia Lai	THPT Pleiku
118	Gia Lai	THPT Phan Bội Châu
119	Gia Lai	PT Dân tộc Nội trú tỉnh
120	Gia Lai	THPT Lê Lợi
121	Gia Lai	THPT Chuyên Hùng Vương
122	Gia Lai	THPT Hoàng Hoa Thám
123	Gia Lai	THPT Nguyễn Chí Thanh
124	Gia Lai	THPT Mạc Đĩnh Chi
125	Gia Lai	THPT Ya Ly
126	Gia Lai	THPT Trần Hưng Đạo
127	Gia Lai	Trường THCS&THPT Kpă Klong
128	Gia Lai	THPT Lương Thế Vinh
129	Gia Lai	THPT Anh hùng Núp
130	Gia Lai	THPT Quang Trung
131	Gia Lai	THPT Nguyễn Khuyến
132	Gia Lai	THPT Nguyễn Trãi
133	Gia Lai	THPT Dân Tộc Nội Trú Đông Gia Lai
134	Gia Lai	THPT Hà Huy Tập
135	Gia Lai	THPT Lê Hoàn
136	Gia Lai	THPT Nguyễn Trường Tộ
137	Gia Lai	THPT Tôn Đức Thắng
138	Gia Lai	THPT Lê Quý Đôn
139	Gia Lai	THPT Trần Phú
140	Gia Lai	THPT Pleime
141	Gia Lai	THPT Nguyễn Bình Khiêm
142	Gia Lai	THPT Trường Chinh
143	Gia Lai	THPT Trần Cao Vân
144	Gia Lai	THPT Lê Thánh Tông
145	Gia Lai	THPT Lý Thường Kiệt
146	Gia Lai	THPT Chu Văn An
147	Gia Lai	THPT Nguyễn Du
148	Gia Lai	THPT Đinh Tiên Hoàng
149	Gia Lai	THPT Huỳnh Thúc Kháng
150	Gia Lai	THPT Phạm Văn Đồng
151	Gia Lai	THPT A Sanh
152	Gia Lai	THPT Nguyễn Huệ

Thông tin Tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025

153	Gia Lai	THPT Lê Hồng Phong
154	Gia Lai	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
155	Gia Lai	THPT Nguyễn Tất Thành
156	Gia Lai	THPT Phan Chu Trinh
157	Gia Lai	THPT Y Đôn
158	Gia Lai	THPT Trần Quốc Tuấn
159	Gia Lai	THPT Võ Văn Kiệt
160	Gia Lai	THPT Nguyễn Thái Học
161	Đắk Lắk	THPT Buôn Ma Thuột
162	Đắk Lắk	THPT Chu Văn An
163	Đắk Lắk	THPT Trần Phú
164	Đắk Lắk	THPT DTNT Nơ Trang Long
165	Đắk Lắk	THPT Hồng Đức
166	Đắk Lắk	THPT Chuyên Nguyễn Du
167	Đắk Lắk	THPT Cao Bá Quát
168	Đắk Lắk	THPT Lê Quý Đôn
169	Đắk Lắk	THPT Phú Xuân
170	Đắk Lắk	Phổ thông Dân tộc nội trú Tây Nguyên
171	Đắk Lắk	THPT Thực hành Cao Nguyên
172	Đắk Lắk	THPT Lê Duẩn
173	Đắk Lắk	THCS và THPT Đông Du
174	Đắk Lắk	THPT Ea H'leo
175	Đắk Lắk	THPT Phan Chu Trinh
176	Đắk Lắk	THPT Trường Chinh
177	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Văn Cừ
178	Đắk Lắk	THPT Phan Đăng Lưu
179	Đắk Lắk	THPT Phan Bội Châu
180	Đắk Lắk	THPT Lý Tự Trọng
181	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Huệ
182	Đắk Lắk	THPT Tôn Đức Thắng
183	Đắk Lắk	THPT Ea Sup
184	Đắk Lắk	THPT Ea Rôk
185	Đắk Lắk	THPT Cư M'gar
186	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Trãi
187	Đắk Lắk	THPT Lê Hữu Trác
188	Đắk Lắk	THPT Trần Quang Khải
189	Đắk Lắk	THPT Quang Trung
190	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Bình Khiêm
191	Đắk Lắk	THPT Lê Hồng Phong

192	Đắk Lắk	THPT Phan Đình Phùng
193	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Công Trứ
194	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
195	Đắk Lắk	THPT Ngô Gia Tự
196	Đắk Lắk	THPT Trần Quốc Toản
197	Đắk Lắk	THPT Trần Nhân Tông
198	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Thái Bình
199	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Tất Thành
200	Đắk Lắk	THPT Nguyễn Trường Tộ
201	Đắk Lắk	THPT Krông Ana
202	Đắk Lắk	THPT Hùng Vương
203	Đắk Lắk	THPT Phạm Văn Đồng
204	Đắk Lắk	THPT Krông Bông
205	Đắk Lắk	THPT Trần Hưng Đạo
206	Đắk Lắk	THPT Lắk
207	Đắk Lắk	THPT Buôn Đôn
208	Đắk Lắk	THPT Trần Đại Nghĩa
209	Đắk Lắk	THPT Việt Đức
210	Đắk Lắk	THPT Y Jut
211	Đắk Lắk	THPT Buôn Hồ
212	Đắk Lắk	THPT Hai Bà Trưng
213	Đắk Lắk	THPT Huỳnh Thúc Kháng